

Số: 3076 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường Đồng Tâm 3 - Cối, xã Thiết Ống thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ ba - Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương, Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án “Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương”, vay vốn Ngân hàng thế giới;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP); số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016;

Căn cứ Công văn số 9786/BGTVT-KHĐT ngày 29/9/2020 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận kế hoạch năm thứ ba, Hợp phần khôi phục, cải tạo đường, Dự án LRAMP tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 3576/TCDBVN-CQLXDDB ngày 03/6/2021 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc triển khai các dự án thành phần theo danh mục cầu bổ sung, Hợp phần cầu, Dự án LRAMP;

Căn cứ Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chi tiêu trung hạn cho đường địa phương giai đoạn 2019-2021 phục vụ Hợp phần đường dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3758/TTr-SGTVT ngày 10/8/2021; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 3750/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường Đồng Tâm 3 - Cỏi, xã Thiết Ống.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường Đồng Tâm 3 - Cỏi, xã Thiết Ống với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường Đồng Tâm 3 - Cỏi, xã Thiết Ống thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ ba - Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương, Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Thanh Hóa.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

4. Mục tiêu đầu tư: Khôi phục, cải tạo các yếu tố hình học của tuyến đường để đảm bảo cấp công trình; phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo đà xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

5. Quy mô đầu tư và các thông số kỹ thuật: Sửa chữa, cải tạo 03 đoạn tuyến với tổng chiều dài $L=3.775,38\text{m}$ (chiều dài xây dựng thực tế $L=2.563\text{m}$) đảm bảo quy mô đường cấp A miền núi, có: Vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; mặt đường láng nhựa và BTXM; công trình thoát nước ngang thiết kế với tải trọng H30-XB80; tần suất thủy văn tính toán $P=4\%$.

6. Giải pháp thiết kế

a) *Bình đồ hướng tuyến:* Tim tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng, mở rộng nền đường để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường. Toàn tuyến có 46 đường cong, bán kính cong nhỏ nhất $R_{\min}=15\text{m}$ (cục bộ, có 05 đường cong do vướng đất và nhà ở của dân), cụ thể:

- Tuyến chính dài $L=2.946\text{m}$: Điểm đầu Km0+00 nối đường bê tông nhựa vượt nối của QL.217 tại Km103+580, thuộc địa phận xã Thiết Ống; điểm cuối Km2+946, thuộc địa phận xã Thiết Ống, huyện Bá Thước; trong đó, đoạn Km1+083 - Km2+200 (dài $L=1.117\text{m}$) còn tốt giữ nguyên, không đầu tư, nên chiều dài xây dựng thực tế $L=1.829,63\text{m}$.

- Tuyến nhánh: Gồm 02 tuyến nhánh, tổng chiều dài $L=734,04\text{m}$.

+ Tuyến nhánh 1: Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến chính tại Km1+083,63; điểm cuối tại Km0+362,34, thuộc thôn Chun, xã Thiết Ống.

+ Tuyến nhánh 2: Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến chính tại Km1+950; điểm cuối Km0+371,7, thuộc thôn Liên Thành, xã Thiết Ống.

b) Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở bám theo cao độ mặt đường hiện tại, được tăng cường lớp móng, mặt đường để đạt môđun đàn hồi yêu cầu và tần suất thủy văn $P=4\%$; dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=11\%$.

c) Cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_n=6,0\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$ (mặt đường BTXM), $i_m=3\%$ (mặt đường láng nhựa); bề rộng lề đường $B_l=2 \times 1,25\text{m}=2,5\text{m}$, dốc ngang lề đường $i_l=4\%$.

d) Nền đường

- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy đào 1/1. Đối với phần đào khuôn mở rộng, đáy khuôn đầm lèn chặt $K \geq 0,95$.

- Nền đường đắp: Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5; các vị trí mở rộng nền đường qua vườn, ruộng tiến hành vét hữu cơ, vét bùn; đào cấp các đoạn nền đắp có độ dốc $\geq 20\%$. Đắp nền đường, lề đường bằng đất cấp 3 đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

đ) Mặt đường: Mặt đường tuyến chính và tuyến nhánh 1 có kết cấu bằng đá dăm láng nhựa, môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 80\text{Mpa}$; tuyến nhánh 2 mặt đường BTXM (nối với đường BTXM cũ của địa phương), kiểm toán tải trọng trục 10T; gồm các lớp từ trên xuống như sau:

- Tuyến chính và tuyến nhánh 1:

+ Trên mặt đường cũ: Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0 \text{ kg/m}^2$, tăng cường móng đá dăm nước lớp trên dày 15cm.

+ Trên mặt đường mới: Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0 \text{ kg/m}^2$, móng đá dăm nước lớp trên dày 15cm và móng đá dăm nước lớp dưới dày 15cm.

- Tuyến nhánh 2: Bằng BTXM M300 dày 22cm trên lớp lót giấy dầu và móng đá dăm nước lớp trên dày 15cm.

e) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc tuyến: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc.

Đoạn Km0+25,88 - Km0+134,48 tuyến chính (qua khu vực đông dân cư) xây rãnh kín chịu lực hình chữ nhật, khẩu độ lòng rãnh $B_r=0,4\text{m}$, gia cố lề đến sát mép rãnh có kết cấu như mặt đường làm mới. Kết cấu rãnh: thân và đáy rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm, tấm bản kết hợp bó vỉa bằng BTCT M300 có kích thước (70x100x12-15)cm, cao độ đỉnh rãnh bằng cao độ mép mặt đường. Đoạn tuyến chính có dốc dọc $> 6\%$ gia cố xây rãnh hình thang bằng BTXM M150 dày 7 cm, vị trí qua nhà dân lắp đặt tấm bản BTCT M300 dày 12cm.

- Thoát nước ngang: Tổng số có 07 công, gồm: 03 công bản xây dựng mới khẩu độ 1,0m; 03 công bản nối khẩu độ 0,75m và 01 công tròn kép nối $2\Phi 1,5\text{m}$.

Kết cấu công: Móng, thân, tường cánh, sân thượng hạ lưu công bằng BTXM M150; mũ mô bằng BTCT M250, tấm bản bằng BTCT M300; lớp phủ bản bằng BTXM M300, ống công bằng BTCT M300. Chiều dài công bằng chiều rộng nền đường; móng đặt trên nền đất thiên nhiên.

f) *Hệ thống an toàn giao thông*: Bố trí cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo hiệu,...tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

g) *Điều tiết giao thông*: Trong suốt quá trình thi công, nhà thầu xây lắp chịu trách nhiệm thực hiện điều tiết đảm bảo giao thông theo quy định.

7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Thương Mại Đại Việt.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 01 bước (Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất danh mục tiêu chuẩn như Báo cáo kết quả thẩm định số 3750/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/8/2021 của Sở Giao thông vận tải.

(Nội dung chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

12. Tổng mức đầu tư: 5.696.000.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.648.000.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	124.000.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	534.000.000	đồng;
- Chi phí khác:	119.000.000	đồng;
- Dự phòng:	271.000.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

13. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 2 Thanh Hóa thực hiện quản lý dự án.

16. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và của Ngân hàng thế giới WB.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 2 Thanh Hóa căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng và quy định của Ngân hàng thế giới WB.

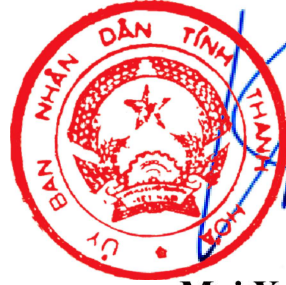
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (H'39.260, 39.339).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục: Tổng mức đầu tư xây dựng

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐỒNG TÂM 3 - CỎI, HUYỆN BÁ THƯỚC, THUỘC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM THỨ BA, HỢP PHẦN KHÔI PHỤC, CẢI TẠO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG, DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU DÂN SINH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG (LRAMP), TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục	Cách tính	Thành tiền
II	Kinh phí xây lắp (Gxl)		4.648.000.000
III	Chi phí QLDA	2,936% x Gxl trước thuế	124.000.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		534.000.000
1	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo KTKT	Theo Hợp đồng số 38/2021/HĐKT ngày 02/6/2021	180.601.000
2	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát	Theo QĐ số 5352/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	5.733.000
3	Chi phí lập báo cáo KTKT	Theo Hợp đồng số 38/2021/HĐKT ngày 02/6/2021	166.419.000
4	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu tư vấn KS, lập báo cáo KTKT	Theo QĐ số 5352/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	2.886.000
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu thi công xây lắp	0,346% x Gxl trước thuế	16.148.000
6	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu tư vấn KS, lập báo cáo KTKT (63/NĐ-CP)	0,100% x Giá gói thầu	2.000.000
7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu thi công xây lắp (63/NĐ-CP)	0,100% x Giá gói thầu	4.648.000

8	Chi phí giám sát công tác khảo sát XD	<i>Theo QĐ số 5352/QĐ-UBND ngày 16/12/2020</i>		7.074.000
9	Giám sát thi công xây dựng	3,203%	x GxI trước thuế	148.874.000
V	Chi phí khác (Gk)			119.000.000
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	0,019%	x TMĐT	2.102.000
2	Chi phí kiểm toán	0,916%	x TMĐT sau loại trừ Gdp	49.699.000
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,545%	x0,5x TMĐT sau loại trừ Gdp	14.785.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	tạm tính		20.000.000
5	Chi phí bảo hiểm công trình	0,290%	x GxI trước thuế	13.479.000
6	Chi phí đảm bảo giao thông	Bảng tính chi tiết		19.159.000
VI	Chi phí dự phòng (GDP)	5,0%	x (I+II+III+IV+V)	271.000.000
	Tổng cộng (làm tròn)	I+II+III+IV+V+VI		5.696.000.000